TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2025/DS-ST
Ngày: 31-7-2025.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Chì
Bà Bùi Thị Duyên

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Hồng Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc " *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 142/TB-TA ngày 16/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Tr, sinh năm: 1971. Địa chỉ: ấp G, xã G, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là 181/2 ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Bà Tr ủy quyền cho chị Đỗ Thị O, sinh năm: 1994. Địa chỉ: ấp Th, xã T, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Th, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1962, ông Đặng Văn C, sinh năm: 1955. Địa chỉ: ấp Th, xã T, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Th, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2017, bà Nguyễn Thị L có đến cửa hàng của bà Lê Ngọc Tr để mua thức ăn cho tôm, mua nhiều lần đến khoảng cuối năm 2024 thì bà L không còn mua thức ăn nữa nhưng bà L vẫn còn nợ tiền thức ăn của bà Tr. Vào ngày 23 tháng 12 năm 2024 (dương lịch) bà Tr có đến nhà bà L để yêu cầu trả nợ thì bà L có xác nhận và ký nợ là hiện còn nợ số tiền 415.910.000 đồng (Bốn trăm mười lăm

triệu chín trăm mười ngàn đồng), nhiều lần bà Tr yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L không có thiện chí trả.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L và chồng là ông Đặng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 415.910.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/12/2024 đến ngày 15/02/2025 với lãi suất 0.83%/tháng là 6.213.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười ba ngàn đồng). Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn C phải liên đới thanh toán là 422.123.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng) đồng thời yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 16/02/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83% của số tiền 415.910.000 đồng.

Ngày 02/6/2025 chị Đỗ Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là số tiền là 415.910.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 23/12/2024 đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0.83% của số tiền 415.910.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ghi ngày 23/12/2024.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị L đến để tham gia phiên công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông C và bà L không có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông C, bà L đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông C, bà L vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có căn cứ buộc ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Ngọc Tr số tiền còn thiếu là 415.910.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) là phù hợp.

2.3 Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Biên nhận nợ ghi ngày 23/12/2024 các bên không ghi có thỏa thuận lãi suất chậm trả. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên nguyên đơn có quyền được yêu cầu trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất tính từ ngày 23/12/2024 đến khi xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Do có phát sinh tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (không vượt quá 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng). Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng do bị đơn chậm trả là không vượt quá mức lãi suất quy định. Do đó, số tiền lãi của số tiền chậm trả được xác định như sau:

Từ ngày 23/12/2024 đến khi xét xử ngày 31/7/2025: Số tiền 415.910.000 đồng x 0,83% x 07 tháng 09 ngày = 25.199.986 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc ông C, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tr tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/7/2025 là: 441.110.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc Tr đối với bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn C.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn C liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc Tr số tiền là: 441.110.000 (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu một trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 21.644.400 đồng, ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới nộp. Tuy nhiên, do ông C, bà L là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí. Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn lại cho bà Lê Ngọc Tr số tiền 10.442.000 đồng theo biên lai số 0008733 ngày 19/02/2025.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- THADS tỉnh Vĩnh Long.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí